

BẢNG 3: KẾT QUẢ KIỂM ĐỊNH ANOVA

Biến định tính	N	Mean	Sig. Levene test	Sig. ANOVA
Số lần KCB				
1 lần/tháng	30	4,2533	0,179	0,524
2 lần/tháng	37	4,3730		
3 lần/tháng	82	4,2659		
Trên 4 lần/tháng	87	4,2322		
Độ tuổi				
Dưới 20	19	4,2632	0,950	0,923
Từ 20 - 39 tuổi	21	4,3333		
Từ 40 - 59 tuổi	101	4,2713		
Từ trên 60 tuổi	95	4,2526		
Nghề nghiệp				
Nông dân	70	4,2971	0,229	0,589
Công nhân	40	4,3600		
Cán bộ, nhân viên	27	4,2815		
Kinh doanh, buôn bán	40	4,2400		
Học sinh, sinh viên	33	4,2121		
Khác	26	4,1538		
Đối tượng cùng chi trả				
20% tổng chi phí	157	4,2803	0,825	0,442
5% tổng chi phí	54	4,2889		
Không cùng chi trả	25	4,1520		
Thu nhập				
Dưới 3 triệu đồng	82	4,2610	0,968	0,291
Từ 3 - dưới 5 triệu đồng	83	4,3205		
Từ 5 - dưới 10 triệu đồng	52	4,2654		
Từ 10 triệu đồng trở lên	19	4,0842		

Nguồn: Kết quả xử lý dữ liệu

KCB tại Trung tâm Y tế huyện Tam Nông, trong đó Thái độ ứng xử là nhân tố tác động mạnh nhất. Tiếp đến là các nhân tố: Ấn tượng ban đầu; Kết quả điều trị; Năng lực chuyên môn; Cơ sở vật chất; Thông tin.

Trong nghiên cứu này, sự hài lòng của người bệnh đối với chất lượng dịch vụ KCB tại Trung tâm Y tế huyện Tam Nông không bị tác động bởi các thông tin nhân khẩu học: giới tính, số lần KCB, thu nhập, độ tuổi, nghề nghiệp, đối tượng cùng chi trả.

Dựa trên kết quả nghiên cứu, nhóm tác giả đưa ra hàm ý chính sách góp phần nâng cao chất lượng dịch vụ KCB tại Trung tâm Y tế huyện Tam Nông như sau:

Đối với cung cấp thông tin cho bệnh nhân

Trung tâm Y tế huyện Tam Nông cần thành lập bộ phận chuyên trách phục trách công tác cung cấp thông tin về giá dịch vụ KCB, giải thích chi tiết về các khoản chi trong hóa đơn thanh toán dịch vụ KCB, giữ bí mật

thông tin về tình trạng sức khỏe và đời tư được ghi trong hồ sơ bệnh án.

Đối với ấn tượng ban đầu

Các biển chỉ dẫn của Trung tâm Y tế huyện Tam Nông cần thay thế và sửa chữa vì đã xuống cấp theo thời gian sử dụng. Bên cạnh đó, cần đầu tư xây dựng thêm không gian xanh nhằm cải thiện môi trường khuôn viên, tạo cảnh quan trong lành, thoáng mát.

Đối với kết quả điều trị

Cắt giảm và đơn giản hóa thủ tục hành chính trong công tác KCB. Tiếp tục tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, phần mềm kê đơn thuốc điện tử, bệnh án điện tử, phần mềm tương tác thuốc. Thực hiện cải cách nhưng vẫn tuân thủ quy trình khám bệnh, xét nghiệm, thăm dò chức năng; cải tiến thủ tục vào viện, chuyển viện, ra viện, thanh toán viện phí, BHYT...

Đối với cơ sở vật chất

Nâng cấp mở rộng các khoa, phòng, đặc biệt là khoa khám bệnh để tạo cảm giác thoải mái cho người dân đến KCB. Vận động mọi nguồn lực tài chính để tăng cường đầu tư thêm trang thiết bị y tế hiện đại, công nghệ mới chất lượng, an toàn, hiệu quả.

Đối với thái độ ứng xử

Trung tâm cần tổ chức các lớp tập huấn về kỹ năng giao tiếp, ứng xử của nhân viên với người bệnh, người nhà người bệnh, đồng nghiệp.

Thành lập tổ giám sát và theo dõi việc thực hiện quy tắc ứng xử trong trung tâm.

Đối với năng lực chuyên môn

Thực hiện xây dựng kế hoạch tuyển dụng và chính sách đãi ngộ để thu hút nguồn nhân lực có trình độ chuyên môn cao.

Mặt khác, đẩy mạnh công tác đào tạo, coi công tác đào tạo thường xuyên, liên tục là một nhiệm vụ cấp thiết để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, kỹ năng, tay nghề cho cán bộ toàn Trung tâm. □

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Fornell, C. (1995). The Quality of Economic Output: Empirical Generalizations about its Distribution and Relationship to Market Share, *Marketing Science*, 14(3)
2. Gronroos, C. (1984). *Strategic Management and Marketing in the Service Sector*, Chartwell-Bratt Limited, Bromley
3. Hansemark, O. C., Albinson, M. (2004). Customer Satisfaction and Retention: The Experiences of Individual Employees, *Journal of Service Theory and Practice*, 14(1), 40-57
4. Parasuraman, A., Zeithaml, V. A. and Berry, L. L. (1985). A conceptual model of service quality and its implications for future research, *Journal of Marketing*, 49, 41-50
5. Parasuraman, A., Zeithaml, V. A. and Berry, L. L. (1988). SERQUAL: a multiple item scale for measuring consumer perceptions of service quality, *Journal of Retailing*, 64(1)

Tiếp cận tín dụng chính thức của trang trại trên địa bàn huyện Quốc Oai, TP. Hà Nội

NGUYỄN PHƯƠNG LÊ*
NGUYỄN THỊ HẢI NINH**
LÊ ANH TUẤN***

Tóm tắt

Kinh tế trang trại (KTTT) của huyện Quốc Oai, TP. Hà Nội đã có những đóng góp đáng kể cho phát triển kinh tế Huyện. Song hiện nay, các chủ trang trại vẫn đang phải đối mặt với nhiều khó khăn trong sản xuất, kinh doanh, trong đó, tiếp cận nguồn vốn tín dụng chính thức (TDCT) là vấn đề nổi cộm. Dựa trên thông tin thu thập từ 198 trang trại bằng phương pháp điều tra tổng thể và 31 trang trại bằng phương pháp phỏng vấn sâu một cách ngẫu nhiên, nghiên cứu chỉ ra rằng, các chủ trang trại ở huyện Quốc Oai đã nắm bắt và hiểu rõ các điều kiện, cũng như thủ tục vay vốn của các tổ chức tín dụng. Mặc dù vậy, họ vẫn gặp khó khăn trong việc vay vốn, do không có tài sản thế chấp; trong khi đó, vay tín chấp thì lượng vốn vay/lượt quá nhỏ, thủ tục cho vay của các ngân hàng còn phức tạp, thái độ phục vụ của nhân viên ngân hàng thiếu nhiệt tình.

Từ khóa: tiếp cận, tín dụng chính thức, trang trại

Summary

Farm economy in Quoc Oai district has made significant contributions to the district's economic development. However, farm owners are now facing with many difficulties in production and business, of which access to official credit sources is considered as a prominent problem. Based on data collected from 198 farms by overall investigation and 31 farms (random sampling) by in-depth interviews, the study shows that most of farm owners in Quoc Oai have been aware of and understood conditions and procedures for loans of credit institutions. However, they have difficulties in getting loans because of not having collateral, while unsecured loans provided a small amount per time. Moreover, the lending procedures of banks are complicated and service attitude of bank employees is not enthusiastic enough.

Keywords: access, formal credit, farm

GIỚI THIỆU

Quốc Oai là huyện có số lượng trang trại lớn của TP. Hà Nội. Hiện nay, trên địa bàn Huyện có 198 trang trại, trong đó có 190 trang trại chăn nuôi, 3 trang trại trồng trọt, 3 trang trại kinh doanh tổng hợp, 1 trang trại thủy sản và 1 trang trại lâm nghiệp (UBND huyện Quốc Oai, 2021). Thực tế cho thấy, bước đầu các trang trại đã khẳng định được ưu thế vượt trội của sản xuất trang trại tổng hợp trong việc vừa bảo đảm phát triển sản xuất, kinh doanh, thu nhập cao và ổn định, vừa bảo vệ môi trường bền vững. Ngoài ra, các trang trại quy mô lớn cũng góp phần giải quyết việc làm cho nhiều

lao động tại địa phương. Tuy nhiên, KTTT của huyện Quốc Oai vẫn còn gặp nhiều khó khăn. Đặc biệt, đa số chủ trang trại thiếu vốn để đầu tư mở rộng phát triển sản xuất, việc tiếp cận vốn vay tín dụng ưu đãi đối với chủ trang trại còn nhiều khó khăn, do vướng mắc thủ tục, thời gian vay vốn. Chính vì vậy, việc tháo gỡ khó khăn trong tiếp cận nguồn vốn TDCT cho các chủ trang trại được xem là giải pháp quan trọng cho phát triển KTTT trên địa bàn huyện Quốc Oai.

PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Ngoài thông tin thứ cấp được thu thập từ các phòng chức năng của huyện Quốc Oai, nghiên cứu dựa trên thông tin thu thập từ 198 trang trại, trong đó, nghiên cứu về tiếp cận TDCT đối với 190 trang trại chăn nuôi và thông tin phỏng vấn sâu 31 chủ trang trại ở các xã

* PGS, TS., ** TS., Học viện Nông nghiệp Việt Nam

*** CN., Chi Cục Phát triển nông thôn Hà Nội

Ngày nhận bài: 03/10/2021; Ngày phản biện: 12/10/2021; Ngày duyệt đăng: 20/10/2021

BẢNG 1: THỰC TRẠNG TRANG TRẠI HUYỆN QUỐC OAI NĂM 2020

Chỉ tiêu	Đơn vị	Tính chung	Chăn nuôi	Trồng trọt	Tổng hợp	Thủy sản	Lâm nghiệp
Số lượng trang trại	Trang trại	198	190	3	3	1	1
Quy mô diện tích	ha	0,5	0,4	2,2	1,8	0,93	12,0
Giá trị sản xuất	Triệu đồng	3.519,81	3.617,85	1.600	1.683,33	1.000	1.200
Lợi nhuận	Triệu đồng	964,14	967,97	866,67	1.016,67	600	1.100
Lao động thuê thường xuyên	Người	3,32	3,22	5	4,67	6	8
Trang trại áp dụng công nghệ cao	%	12,12	11,05	100,00	0	0	0
Trang trại tham gia liên kết	%	31,31	32,63	0	0	0	0

Nguồn: Phòng Kinh tế huyện Quốc Oai, 2020

BẢNG 2: THỰC TRẠNG TIẾP CẬN TDCT CỦA CÁC TRANG TRẠI TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN QUỐC OAI

Chỉ tiêu	Đơn vị	NHNN&PTNT	NHCSXH	QTDND
1. Trang trại biết về tổ chức TDCT (n=31)	%	93,54	80,64	61,29
2. Trang trại biết rõ về điều kiện cho vay của TCTD (n=31)	%	90,32	70,96	58,06
3. Tỷ lệ hộ vay vốn (n=190)	%	43,16	52,10	38,71
4. Tổng lượng vốn đang vay/trang trại (n=190)	Triệu đồng	572,73	516,67	700,00

Nguồn: Kết quả điều tra của nhóm tác giả

khác nhau trên địa bàn Huyện trong nửa đầu năm 2021. Thông tin được phân tích bằng phương pháp thống kê mô tả và so sánh.

KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Khái quát thực trạng sản xuất, kinh doanh của các trang trại trên địa bàn huyện Quốc Oai

Bảng 1 cho thấy, diện tích đất bình quân một trang trại ở huyện Quốc Oai là 0,5 ha; trong đó, diện tích của trang trại lâm nghiệp lớn nhất (12 ha), sau đó đến trang trại trồng trọt (2,2 ha) và thấp nhất là trang trại chăn nuôi (0,4 ha). Phần lớn diện tích đất của trang trại là đất được giao theo Nghị định số 64/1994/NĐ-CP, ngày 27/9/1993 của Chính phủ ban hành bản quy định về việc giao đất nông nghiệp cho hộ gia đình, cá nhân sử dụng ổn định lâu dài vào mục đích sản xuất nông nghiệp (chiếm 96,36%). Giá trị sản xuất và lợi nhuận thu được của các trang trại khá lớn, trong đó, lớn nhất là của ngành chăn nuôi. Bình quân mỗi trang trại tạo ra lợi nhuận gần 1 tỷ đồng.

Thực trạng tiếp cận nguồn vốn TDCT của các trang trại huyện Quốc Oai

Theo tìm hiểu của nhóm tác giả cho thấy, nguồn vốn TDCT chủ yếu mà các trang trại ở huyện Quốc Oai có thể tiếp cận, bao gồm: vốn của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (NHNN&PTNT), Ngân hàng Chính sách xã hội (NHCSXH), Quỹ tín dụng nhân dân (QTDND) xã và các ngân hàng thương mại khác. Bên cạnh đó, các chủ trang trại còn có thể vay vốn từ Quỹ hỗ trợ nông dân, Quỹ khuyến nông để phát triển trang trại theo quy định.

Ngoài ra, TP. Hà Nội cũng hỗ trợ 70% kinh phí cho việc xây dựng thương hiệu sản phẩm và quảng cáo các sản phẩm nông nghiệp trên các phương tiện đại chúng; Hỗ trợ 100% kinh phí thuê gian hàng để tham gia các hội chợ, triển lãm giới thiệu sản phẩm nông nghiệp ở trong nước và các quầy hàng, điểm bán hàng tại các chợ do ngành thương mại và UBND các quận, huyện, thị xã quản lý trên địa bàn TP. Hà Nội đối với việc kinh doanh các sản phẩm nông nghiệp an toàn; Hỗ trợ 50% kinh phí thuê gian hàng ở nước ngoài, để tham gia các hội chợ triển lãm giới thiệu sản phẩm nông nghiệp. Hội Nông dân TP. Hà Nội đã phối hợp với các ngân hàng tổ chức cho các trang trại vay vốn để phát triển nuôi trồng thủy sản, chăn nuôi gia súc, gia cầm với mức vay từ 100 đến 500 triệu đồng/dự án.

Tuy nhiên, kết quả phỏng vấn sâu 31 trang trại trên địa bàn Huyện cho thấy, các trang trại không vay vốn từ nguồn nào khác ngoài 3 tổ chức TDCT nêu trên. Các trang trại tiếp cận với nguồn vốn TDCT thông qua 2 hình thức, đó là tiếp cận trực tiếp và tiếp cận gián tiếp.

Kết quả Bảng 2 cho thấy, các chủ trang trại nắm bắt rất tốt thông tin về các tổ chức TDCT trên địa bàn Huyện, đặc biệt là NHNN&PTNT (93,54%) và NHCSXH (80,64%). Không chỉ biết về các tổ chức TDCT, chủ trang trại còn hiểu biết rõ các điều kiện vay vốn của các tổ chức tín dụng này. Một điều đáng ngạc nhiên là QTDND là tổ chức tín dụng đóng trên địa bàn xã, xét về khoảng cách, thì rất gần với người dân địa phương, song trên thực tế, hiểu biết của chủ trang trại về tổ chức này lại kém hơn so với NHNN&PTNT và NHCSXH. Điều đó cho thấy, hoạt động truyền thông của QTDND đối với các chủ trang trại chưa tốt.

Nghiên cứu cũng cho thấy, có tới 80,65% số trang trại được điều tra có nhu cầu vay vốn và 100% số trang trại này đã vay được vốn của các tổ chức TDCT trên địa bàn Huyện, với tổng lượng vốn đang vay tại thời điểm điều tra bình quân một trang trại là từ 516 đến 700 triệu đồng; trong đó, có 81,87% vay thế chấp từ NHNN&PTNT và QTDND, 52,1% vay tín chấp từ NHCSXH. Lượng vốn vay này là khá lớn so với một số địa phương khác, song vẫn thấp hơn nhiều so với mức vay tối đa được quy định trong Nghị định số 55/2015/NĐ-CP, ngày 09/6/2015 của Chính phủ về chính sách tín dụng phục vụ

phát triển nông nghiệp, nông thôn và so với nhu cầu đầu tư của chủ trang trại (từ 1,5 đến 2 tỷ đồng/trang trại). Số chủ trang trại còn lại không có nhu cầu vay vốn, họ khẳng định rằng, họ không thiếu vốn và một trong những nguyên nhân quan trọng khác khiến họ không dám vay vốn, đó là e ngại thủ tục phức tạp.

Tỷ lệ trang trại thường xuyên vay vốn từ các tổ chức TDCT trong tổng số trang trại điều tra tương đối thấp. Bảng 3 cho thấy, chỉ có 16,13% số trang trại thường xuyên vay từ NHNN&PTNT và QTDND, trong khi không có trang trại nào thường xuyên vay vốn từ NHCSXH. Phần lớn các trang trại chỉ vay từ NHNN&PTNT và các tổ chức khác khi có nhu cầu. Tỷ lệ trang trại chưa từng vay vốn từ QTDND và NHCSXH rất lớn (54,84%). Nguyên nhân chủ yếu là do: (i) Thời gian cho vay của NHCSXH ngắn, nên không phù hợp với việc đầu tư vào các hoạt động sản xuất có thời gian thu hồi vốn dài, như: trồng cây lâu năm hay chăn nuôi đại gia súc; (ii) Tỷ lệ trang trại nắm rõ thông tin về QTDND thấp, điều đó ảnh hưởng đến khả năng tiếp cận với nguồn vốn của tổ chức này.

Qua điều tra cho thấy, gần 60% chủ trang trại cho rằng, vốn là yếu tố quan trọng nhất ảnh hưởng đến khả năng ứng dụng kỹ thuật mới vào sản xuất, kinh doanh, đặc biệt là đối với các trang trại chăn nuôi. Bảng 4 cho thấy, mức độ ảnh hưởng của tiếp cận TDCT đến quy mô và kết quả sản xuất của trang trại ở huyện Quốc Oai. Số liệu điều tra chứng tỏ rằng, diện tích đất và số lao động thuê thường xuyên của 2 nhóm trang trại có vay vốn và không vay vốn của tổ chức TDCT khác nhau không đáng kể và sự khác nhau này không có ý nghĩa thống kê. Tổng giá trị sản xuất và lợi nhuận từ sản xuất, kinh doanh trong năm 2020 của nhóm trang trại vay vốn từ tổ chức TDCT cao hơn hẳn so với nhóm trang trại không vay vốn và sự sai khác này có ý nghĩa thống kê ở mức 5%.

Bắt cập trong tiếp cận TDCT của trang trại

Về chính sách

Chính phủ đã ban hành Nghị định số 116/2018/NĐ-CP, ngày 07/9/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 55/2015/NĐ-CP về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn. Theo Nghị định này, trang trại có thể được vay đến 1 tỷ đồng đối với chủ

BẢNG 3: MỨC ĐỘ TIẾP CẬN TDCT CỦA CÁC TRANG TRẠI TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN QUỐC OAI ($n = 31$)

Đơn vị: %

Chỉ tiêu	NHNN&PTNT	NHCSXH	QTDND
1. Trang trại vay vốn thường xuyên	16,13	0,00	16,13
2. Trang trại thỉnh thoảng vay vốn	64,52	45,16	29,03
3. Trang trại chưa từng vay	19,35	54,84	54,84

BẢNG 4: ẢNH HƯỞNG CỦA TIẾP CẬN TDCT ĐẾN QUY MÔ VÀ KẾT QUẢ SẢN XUẤT CỦA TRANG TRẠI

Chỉ tiêu	Đơn vị	Trang trại có vay vốn (1)	Trang trại không vay vốn (2)	So sánh (1) - (2)
1. Diện tích bình quân/trang trại	ha	0,4	0,41	-0,01 ^{NS}
2. Số lượng lao động thuê ngoài/trang trại	Người	3,24	3,19	0,05 ^{NS}
3. Kết quả sản xuất/trang trại/năm	Triệu đồng	4296,56	1908,52	2388,04*
4. Lợi nhuận/trang trại/năm	Triệu đồng	1067,80	716,55	351,25*

(*) biểu thị cho mức ý nghĩa 5%, (^{NS}) biểu thị không ý nghĩa

Nguồn: Kết quả điều tra của nhóm tác giả

trang trại hoạt động trên địa bàn nông thôn hoặc hoạt động sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp và vay tối đa 2 tỷ đồng đối với các chủ trang trại nuôi trồng thủy sản, mà không cần có tài sản bảo đảm, chỉ cần có giấy chứng nhận trang trại. Tuy nhiên, trên thực tế, để được cấp giấy chứng nhận trang trại theo Thông tư số 27/2011/TT-BNNPTNT, ngày 13/4/2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về tiêu chí và thủ tục cấp giấy chứng nhận kinh tế trang trại, thì cơ sở trồng trọt, nuôi trồng thủy sản... phải có diện tích từ 2,1 ha trở lên, giá trị sản lượng hàng hóa đạt 700 triệu đồng/năm... Do đó, phần lớn các trang trại hoạt động trên địa bàn huyện Quốc Oai chưa có giấy chứng nhận trang trại.

Hơn nữa, Thông tư số 02/2020/TT-BNNPTNT, ngày 28/02/2020 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định tiêu chí kinh tế trang trại, thì giấy chứng nhận kinh tế trang trại được cấp theo Thông tư số 27/2011/TT-BNNPTNT hết hiệu lực, trong khi không có quy định về thủ tục cấp giấy chứng nhận trang trại mới, nên một số địa phương, trong đó có Quốc Oai đang trong quá trình chuẩn bị cấp giấy chứng nhận cho trang trại phải dừng lại.

Bên cạnh đó, phần lớn các trang trại trên địa bàn huyện Quốc Oai sản xuất trên diện tích đất đầu thầu từ nguồn đất công ích của xã. Theo Quyết định số 05/2008/QĐ-UBND, ngày 18/01/2008 của UBND TP. Hà Nội về việc ban hành Quy định về một số chính sách khuyến khích, phát triển kinh tế trang trại trên địa bàn TP. Hà Nội, thì diện tích này cứ 5 năm phải đấu thầu lại một lần, nên không đủ điều kiện pháp lý để bảo đảm vay ngân hàng và cũng không tạo động lực thúc đẩy các chủ trang trại đầu tư phát triển sản xuất.

Ngoài ra, theo quy định của Nghị định số 55/2015/NĐ-CP, ngày 09/6/2015 của Chính phủ về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn, các trang trại có thể vay vốn từ các tổ chức TDCT qua

hình thức tín chấp, song, mức vay tối đa chỉ đạt 100 triệu đồng/lượt là quá thấp so với nhu cầu vốn cho đầu tư, đặc biệt là với các trang trại chăn nuôi.

Về phía chủ trang trại

Kết quả điều tra cho thấy, trong số 25 hộ có vay vốn từ các tổ chức TDCT, thì chỉ có 20% số trang trại vay bằng hình thức thế chấp, 28% vay bằng hình thức tín chấp và 52% còn lại vay bằng cả hai hình thức; trong đó, trang trại thế chấp bằng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chiếm đến 64%. Thực tế, số hộ sản xuất có nhu cầu vay vốn ưu đãi của các tổ chức tín dụng từ 1 đến 2 tỷ đồng khá lớn, nhưng khó khăn là các hộ đều phải có tài sản thế chấp. Thậm chí, có trường hợp đủ điều kiện vay vốn của ngân hàng, nhưng cũng chỉ được vay khoảng 20% so với nhu cầu, do không có tài sản bảo đảm.

Ngoài việc không có tài sản thế chấp, thì trình độ chuyên môn, nghiệp vụ quản lý, kinh doanh, khoa học, kỹ thuật của chủ trang trại thấp cũng là lý do khiến cho họ khó tiếp cận với các nguồn TDCT, do không biết xây dựng các dự án kinh doanh khả thi và thuyết phục; đồng thời, việc tổ chức sản xuất, kinh doanh chủ yếu dựa vào kinh nghiệm, nên rủi ro trong sử dụng vốn lớn.

Về phía các tổ chức tín dụng

Đánh giá của các chủ trang trại cho thấy, QTDND và NHCSXH có thủ tục và phương thức cho vay đơn giản hơn so với NHNN&PTNT. Thủ tục và phương thức cho vay còn khá phức tạp, nên nhiều trang trại chưa tiếp cận được nguồn vốn của NHNN&PTNT, đặc biệt là các chủ trang trại có trình độ văn hóa thấp. Thái độ thiếu nhiệt tình của nhân viên tín dụng cũng là lý do ngăn cản các chủ trang trại tiếp cận với nguồn vốn của các tổ chức TDCT trên địa bàn huyện Quốc Oai (có 20% đến 28,5% số chủ trang trại đánh giá không tốt về nhân viên của các tổ chức TDCT).

MỘT SỐ GIẢI PHÁP

Để đẩy mạnh phát triển KTTT, tháo gỡ khó khăn trong tiếp cận nguồn vốn TDCT cho các chủ trang trại trên địa bàn huyện Quốc Oai, trong thời gian tới, cần thực hiện một số giải pháp sau:

Đối với chính quyền địa phương

Thứ nhất, TP. Hà Nội cần đẩy nhanh tiến độ giao đất, cho thuê đất, có chính sách giao đất ổn định lâu dài cho các trang trại, đồng thời, Thành phố cũng cần cho phép các địa phương được gia hạn khi hết thời hạn trúng đấu giá thuê quyền sử dụng đất 5 năm, thực hiện

cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tạo điều kiện thuận lợi xác nhận đối với trang trại đủ tiêu chí theo Thông tư số 02/2020/TT-BNNPTNT để chủ trang trại có thể tiếp cận được với các nguồn TDCT cũng như yên tâm đầu tư phát triển sản xuất, kinh doanh.

Thứ hai, Thành phố cần thúc đẩy hơn nữa các chính sách hỗ trợ tín dụng cho phát triển KTTT thông qua việc lồng ghép với chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới, chương trình phát triển nông nghiệp công nghệ cao... Tiếp tục tạo điều kiện cho các trang trại tiếp cận được các nguồn TDCT khác ngoài nguồn của các tổ chức tín dụng.

Đối với NHNN&PTNN và các tổ chức TDCT khác

- Các tổ chức tín dụng cần xây dựng quy trình, thủ tục hồ sơ vay vốn công khai, minh bạch, thủ tục vay vốn đơn giản, hợp lý để các chủ trang trại dễ dàng tiếp cận. Đồng thời, các tổ chức này cũng cần nghiên cứu, đề xuất các chính sách cho vay với nguồn vốn cao hơn, phù hợp hơn đối với các trang trại đạt hiệu quả kinh tế cao để những mô hình này có điều kiện mở rộng sản xuất.

- NHNN&PTNN Huyện cần phối hợp chặt chẽ với chính quyền và các đoàn thể địa phương hỗ trợ chủ trang trại xây dựng phương án sản xuất kinh doanh hiệu quả, bảo đảm tính khả thi; đồng thời, làm tốt hơn nữa việc định giá tài sản trên đất, đề xuất cho phép các trang trại có thể thế chấp bằng các công trình đầu tư trên đất.

- Các tổ chức tín dụng tại địa phương cần quan tâm hơn nữa, tạo điều kiện thuận lợi để chủ trang trại tiếp cận nguồn vốn vay TDCT qua hình thức tín chấp thông qua sự giới thiệu, bảo lãnh của chính quyền địa phương.

Về phía các trang trại

Để có thể vay vốn bằng tín chấp từ các tổ chức TDCT, các trang trại nên thuê một đơn vị tư vấn xây dựng phương án sản xuất, kinh doanh bảo đảm tính khả thi. □

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. UBND huyện Quốc Oai (2021). *Phát triển KTTT bền vững trên địa bàn huyện Quốc Oai giai đoạn 2021-2025*
2. Phòng Kinh tế huyện Quốc Oai (2021). *Thống kê trang trại theo tiêu chí Thông tư 02/2020/TT-BNNPTNT, ngày 28/02/2020 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn*
3. Đào Cảnh (2020). *Quốc Oai phát triển chăn nuôi tập trung*, truy cập từ <http://www.daibieunhandan.vn/quoc-oai-phat-trien-chan-nuoi-tap-trung-433242>